|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**Dự thảo**

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung, định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng nguồn kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương.

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Các định mức xây dựng dự toán trong quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3. Định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ *(viết tắt Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN)* về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa được quy định cụ thể như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ không quá: 40 triệu đồng/người/tháng;

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác không quá: 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ;

- Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày

b) Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày)

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số [02/2015/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-02-2015-tt-bldtbxh-muc-luong-chuyen-gia-tu-van-trong-nuoc-lam-co-so-du-toan-goi-thau-263068.aspx) ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội *(viết tắt Thông tư số*[*02/2015/TT-BLĐTBXH*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-02-2015-tt-bldtbxh-muc-luong-chuyen-gia-tu-van-trong-nuoc-lam-co-so-du-toan-goi-thau-263068.aspx)*)* quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

c) Trong trường hợp cần thuê chuyên gia vượt mức quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ yêu cầu công việc cần thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết và kết quả dự kiến của việc thuê chuyên gia, lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ để hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xem xét, đánh giá, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét, quyết định

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số [65/2021/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-65-2021-tt-btc-quan-ly-su-dung-va-quyet-toan-kinh-phi-bao-duong-sua-chua-tai-san-cong-483326.aspx) ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

Thực hiện theo quy định tại: Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(viết tắt là Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND);* Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

a) Người chủ trì: 2.000.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 500.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.500.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

3. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5.Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.

6. Các nội dung chi khác

Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu; chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

**Điều 4. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có):

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: Đồng*

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Định mức** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.500.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.000.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300.000 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300.000 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 500.000 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 700.000 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 700.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 500.000 |
| **2** | **Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |
|  | Chủ tịch Hội đồng |  | 1.800.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng |  | 1.500.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300.000 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300.000 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 700.000 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 1.000.000 |
| **3** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.800.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.500.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300.000 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300.000 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 700.000 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 1.000.000 |
| **4** | **Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng** | Chuyên gia | 1.500.000 |
| **5** | **Chi Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** | Nhiệm vụ |  |
|  | Chủ trì |  | 900 |
|  | Thành viên tham gia Hội đồng họp đánh giá, tự đánh giá |  | 750 |
|  | Thư ký khoa học |  | 150 |
|  | Thư ký hành chính |  | 150 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 100 |
|  | Chi nhận xét đánh giá của Thành viên tham gia Hội đồng họp đánh giá, tự đánh giá |  | 350 |
|  | Nhận xét đánh giá của thành viên phản biện tham gia Hội đồng họp đánh giá, tự đánh giá |  | 500 |

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Chi công tác phí cho các thành viên Hội đồng thực hiện theo Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND;

d) Các nội dung chi khác: Chi văn phòng phẩm, in ấn, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng; chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng, thuê dịch vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng, chi thuê cơ sở vật chất, chi phương tiện đi lại và các nội dung chi khác phục vụ Hội đồng được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

*Đơn vị tính: Đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Định mức** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 1.000.000 |
| 2 | Tổ phó và các thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 700.000 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 300.000 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 200.000 |

b) Dự toán chi thuê chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số [02/2015/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-02-2015-tt-bldtbxh-muc-luong-chuyen-gia-tu-van-trong-nuoc-lam-co-so-du-toan-goi-thau-263068.aspx).

c) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (chi văn phòng phẩm, in ấn, thông tin liên lạc, nước uống, thuê cơ sở vật chất, phương tiện, dịch vụ phục vụ Tổ thẩm định...) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Dự toán chi thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia, tổ chức độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng.

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư 02/2023/TT-BKHCN.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tiếp tục được thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt các danh mục nhiệm vụ sau ngày 26 tháng 2 năm 2023 được điều chỉnh các nội dung chi, mức chi theo định mức mới căn cứ tiến độ thực hiện nhiệm vụ (được điều chỉnh đối với các nội dung chưa tổ chức thực hiện và thanh, quyết toán); định mức mới thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 6. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên cho lĩnh vực khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước đảm bảo (kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ).

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.